TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST
Ngày 19/9/2019
V/v tranh chấp về
hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Hoàng Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019, về việc tranh chấp về hợp dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam; địa chỉ: Số 108, đường T, quận H, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, chức vụ: Cán bộ phòng Tổng hợp – Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng giao dịch xã Tân Mỹ (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2018). (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 379, ấp B, xã B, huyện Lò, tỉnh ĐT. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn P, sinh năm 1971; (Vắng mặt).

- Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1995; (Vắng mặt).

- Anh Phan Phúc H, sinh năm 2001; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 379, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh ĐT.

- Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1942; (Vắng mặt).

- Bà Võ Thị M, sinh năm 1952; (Vắng mặt).

- Ông Phan Thanh Nh, sinh năm 1986; (Vắng mặt).

- Bà Mai Thị Th, sinh năm 1987; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 62, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh ĐT.

- Anh Phan Văn V, sinh năm 1974; (Vắng mặt).

- Chị Từ Thị Kim H, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

- Chị Phan Thị Kim T, sinh năm 2001. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 62A/4075, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Theo đơn khởi kiện vào ngày 06/06/2017 chị Bùi Thị T ký hợp đồng vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 với Ngân hàng TMCP C VN - Chi nhánh Đ vay số tiền là 960.000.000 đồng, hạn trả nợ vào ngày 06/06/2018, đến nay đã quá hạn. Hiện còn nợ gốc là 960.000.000 đồng và tiền lãi (tạm tính đến ngày 05/12/2018) là 39.801.954 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi bà Bùi Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP C VN - Chi nhánh Đồng Tháp (tạm tính đến ngày 05/12/2018) là 999.801.954 đồng.

Khi vay, hộ bà Bùi Thị T và hộ ông Phan Văn P có thế chấp cho Ngân hàng TMCP C VN - Chi nhánh Đồng Tháp tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 33.283m2, theo GCNQSD đất số P 876155 do UBND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/12/2000; đứng tên hộ bà Bùi Thị T theo hợp đồng thế chấp số 172020-3/TC ngày 28/6/2017.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 4.558 m2, theo GCNQSD đất số BH104968 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011 và Quyền sử dụng đất diện tích 381,8m2, theo GCNQSD đất số BH104966 do

UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; đứng tên hộ ông Phan Văn P.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 41,7m2 theo GCNQSD đất số BH129537 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; đứng tên hộ ông Phan Văn P và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sử dụng 107,5 m2, theo GCNQSH nhà ở số 59/CN.UB do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/05/2003, chủ sở hữu Phan Văn P.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Bùi Thị T, ông Phan Văn P, Ông Phan Văn P, bà Võ Thị M, bà Phan Thị Thu H, ông Phan Phúc H, ông Phan Thanh N, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền gốc là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng); tiền lãi tạm tính đến ngày 05/12/2018 là 39.801.954 đồng và số lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 ngày 06/06/2017; đến ngày bà T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì hộ chị T có trả cho Ngân hàng 600.000.000 đồng vốn gốc, do đó Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện.

Nay Ngân hàng TMCP C Việt Nam thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị Bùi Thị T và anh Phan Văn P trả cho Ngân hàng tiền nợ vốn gốc 360.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2019 là: 37.942.468 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 397.942.468 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 ngày 06/06/2017.

Nếu bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản:

1. Quyền sử dụng đất diện tích 41,70m2 theo GCNQSD đất số BH129537 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P.

2. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sử dụng 107,5 m2, theo GCNQSH nhà ở số 59/CN.UB do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/05/2003; Chủ sở hữu: Phan Văn P.

Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 172020-1/TC ngày 05/06/2017.

3. Quyền sử dụng đất diện tích 4.558 m2, theo GCNQSD đất số BH104968 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P.

4. Quyền sử dụng đất diện tích 381,8 m2, theo GCN QSD đất số BH104966 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P.

- Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 172020-2/TC ngày 05/06/2017.

Sau khi bà T và anh P thanh toán hết nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại các tài sản thế chấp nêu trên.

- Tại biên bản hòa giải của Tòa án ông P trình bày: Ông P thống nhất lời trình bày của ngân hàng về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Nay ông P thừa nhận còn nợ ngân hàng vốn gốc 360.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/5/2019 là: 37.942.468 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 397.942.468 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi tám đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 ngày 06/06/2017.

Nếu bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P không trả nợ, thì ông P đồng ý Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản: 1. Quyền sử dụng đất diện tích 41,70m2 theo GCNQSD đất số BH129537 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P.

2. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sử dụng 107,5 m2, theo GCNQSH nhà ở số 59/CN.UB do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/05/2003; Chủ sở hữu: Phan Văn P.

Theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 172020-1/TC ngày 05/06/2017.

3. Quyền sử dụng đất diện tích 4.558 m2, theo GCNQSD đất số BH104968 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P.

4. Quyền sử dụng đất diện tích 381,8 m2, theo GCN QSD đất số BH104966 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P.

- Trong biên bản hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa ông P và bà M trình bày: Thống nhất lời trình bày của ngân hàng. Nếu bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P không trả nợ, thì đồng ý Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án trả nợ cho ngân hàng.

- Trong biên bản hòa giải của Tòa án ông V trình bày: Thống nhất lời trình bày của ngân hàng. Nếu bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P không trả nợ, thì đồng ý Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án trả nợ cho ngân hàng.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Sự tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án của Tòa án là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà T, ông P, chị H, anh H, ông P, bà M, anh N, chị T, anh V, chị H, chị T có mặt và sinh sống ở địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy bà T, ông P, chị H, anh H, anh Nh, chị T, anh V, chị H, chị T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 06/06/2017 chị Bùi Thị T ký hợp đồng vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 với Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Đồng Tháp vay số tiền là 960.000.000 đồng có hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp chứng minh, được phía bà T, ông P, ông P, bà M, anh V thừa nhận.

Do sau khi vay tiền, phía bà Thảo không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì hộ chị T có trả cho Ngân hàng 600.000.000 đồng vốn gốc, do đó Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại 600.000.000 đồng và Quyền sử dụng đất diện tích 33.283m2, theo GCNQSD đất số P 876155 do UBND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/12/2000; đứng tên hộ bà Bùi Thị T theo hợp đồng thế chấp số 172020-3/TC ngày 28/6/2017.

Nay Ngân hàng TMCP C Việt Nam thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị Bùi Thị T và anh Phan Văn P trả cho Ngân hàng tiền nợ vốn gốc 360.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2019 là: 48.864.987 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 458.183.344 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 ngày 06/06/2017 kể từ ngày 20/9/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Nếu bà Bùi Thị Thảo và ông Phan Văn P không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản: Quyền sử dụng đất diện tích 41,70m2 theo GCNQSD đất số BH129537 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011;

Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P; Tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích sử dụng 107,5 m2, theo GCNQSH nhà ở số 59/CN.UB do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/05/2003; Chủ sở hữu: Phan Văn P; Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172020-1/TC ngày 05/06/2017. Quyền sử dụng đất diện tích 4.558 m2, theo GCNQSD đất số BH104968 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P; Quyền sử dụng đất diện tích 381,8 m2, theo GCN QSD đất số BH104966 do UBND huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 16/11/2011; Chủ sử dụng đất: hộ ông Phan Văn P; Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172020-2/TC ngày 05/06/2017. Sau khi bà T và anh P thanh toán hết nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại các tài sản thế chấp nêu trên.

Phía bà T, ông P, ông P, bà M, ông V cũng thừa nhận và thống nhất lời trình bày và yêu cầu trên của Ngân hàng, tuy nhiên do điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn nên không có tiền trả cho Ngân hàng. Trường hợp bà T, ông P không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà T, ông P, ông P, bà M, ông V đồng ý xử lý tài sản đã thế chấp nói trên để thi hành án trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà T còn nợ Ngân hàng 360.000.000 đồng và tiền lãi là có thật.

Các hợp đồng thế chấp số: số 172020-1/TC ngày 05/06/2017 và 172020-2/TC ngày 05/06/2017 do phía bà T, ông P, chị H, anh H, ông P, bà M, anh Nh, chị T, ông V, chị H, chị T đều thống nhất thừa nhận và thực hiện; đất hiện do hộ bà T, ông P, anh V đang trực tiếp sử dụng cất nhà ở, trồng lúa, không có ai khác nên cần công nhận các hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực là có căn cứ.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà T, ông P phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả và án phí đối với việc giải quyết hợp đồng thế chấp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà T, ông P phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

2. Buộc bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P cùng liên đới nghĩa vụ trả cho trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam tiền nợ vốn gốc 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 19/9/2019 là: 48.864.987 đồng (Bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 458.183.344 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh trên nợ gốc 360.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 172020/2017-HĐCVHM/NHCT720 ngày 06/6/2017 kể từ ngày 20/9/2019 cho đến khi trả xong nợ.

3. Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172020-1/TC, được ký kết ngày 05/6/2017 người thế chấp là bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P, người nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C Việt Nam, tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 32, diện tích 41,7 m^2, mục đích sử dụng đất là đất ở tại nông thôn 34,0 m^2, đất trồng cây lâu năm 7,7 m^2, tọa lạc tại ấp Bình Trung, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, số bìa BH 129537 được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp vào ngày 16/11/2011 do hộ ông Phan Văn Phủ đứng tên quyền sử dụng; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 59/CN.UB ngày 25/3/2003, diện tích sử dụng 107,5 m^2, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp cho chủ sở hữu Phan Văn P, tại Rạch Ngã Tháp, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, có hiệu lực từ ngày 05/6/2017.

4. Công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 172020-2/TC, được ký kết ngày 05/6/2017 người thế chấp là ông Phan Văn P, bà Võ Thị M, bà Bùi Thị T, người nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C Việt Nam, tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, diện tích 381,8 m^2, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Bình Trung, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, số bìa BH 104966 được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp vào ngày 16/11/2011 do hộ ông Phan Văn P đứng tên quyền sử dụng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 559, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.558 m^2, mục đích sử dụng đất là đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Bình Trung, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, số bìa BH 104968 được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp vào ngày 16/11/2011 do hộ ông Phan Văn P đứng tên quyền sử dụng, có hiệu lực từ ngày 05/6/2017.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T, ông P không thực hiện trả vốn gốc và lãi là 458.183.344 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam, Cơ quan Thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng thế chấp số 172020-1/TC, 172020-2/TC được ký kết ngày 05/6/2017 nói trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP C Việt Nam về việc sau khi bà T và ông P thanh toán hết nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại các tài sản thế chấp nêu trên.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P cùng liên đới nghĩa vụ nộp là 22.627.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Chưa nộp).

Ngân hàng TMCP C Việt Nam được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 20.952.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2017/0007062 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Bùi Thị T và ông Phan Văn P cùng chịu là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Số tiền này Ngân hàng TMCP C Việt Nam đã tạm nộp đủ, chi xong nên buộc bà T và ông P phải trả lại cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

7. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Tiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Hùng – Chung Thị Thu Nguyệt

Lê Thị Kiều Tiên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Lấp Vò, ngày 11 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 10 năm 2017
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông:Lê Quan Nam.
- Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Vạn Thế.
2. Ông Đỗ Hồng Quân.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 54/2017/TLST-DS, ngày 27/3/2017 về vụ án: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, Hợp đồng dân sự hụi"* giữa:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Sang**, sinh năm 1964

Địa chỉ 515, ấp Hiệp Thành, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1984. Trú tại số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Sang (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017)

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thanh Trang**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 470, ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điếu 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh Trang hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Sang vốn vay là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực phaùp luaät, bà Nguyễn Thị Sang có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Thanh Trang chưa trả số tiền trên cho bà Sang thì anh Trang còn phải trả lãi cho bà Sang theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định định tương ứng từng thời điểm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh Trang trả lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền hụi.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thanh Trang nộp 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Sang không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và được nhận lại 16.467.000 đồng theo biên lai số 19825 ngày 25/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7avà 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Sang, báo cho bà Sang biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự Nguyễn Thanh Trang được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Biên bản nghị bàn đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÁO CÁO TRAO ĐỔI ÁN

Vụ án: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, Hợp đồng dân sự hụi"*. Thụ lý số 54/2017/TLST- DS ngày 27/3/2017, về việc "*Tranh chấp về hợp dân sự vay tài sản*" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Sang**, sinh năm 1964

Địa chỉ 515, ấp Hiệp Thành, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1984. Trú tại số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Sang (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017)

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thanh Trang**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 470, ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Sang trình bày: Vào năm 2006 anh Nguyễn Thanh Trang có vay của bà Sang 198.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà Sang cần lấy lại. Sau khi vay anh Sang có đóng lãi cho bà Sang được 06 tháng với số tiền 36.000.000 đồng thì ngưng luôn đến nay, không đóng lãi và trả vốn cho bà Sang, bà Sang có yêu cầu anh Trang trả lại vốn vay, anh Sang hứa hẹn trả cho bà Sang nhiều lần nhưng đến nay không trả.

Ngoài số tiền vay anh Trang thiếu bà Sang nói trên, anh Sang còn nợ tiền hụi bà Sang với số tiền là 14.000.000 đồng. Sau khi anh Trang thiếu bà Sang 198.000.000 đồng tiền vay và 14.000.000 đồng tiền hụi, đến ngày 16/7/2007 anh Trang làm tờ hẹn trả nợ cho bà Sang tại tờ hẹn trả ngày 16/7/2007 anh Sang hẹn trả cho bà Sang 198.000.000 đồng tiền vay và 14.000.000 đồng tiền hụi vào tháng 10/2007, nhưng đến nay anh Trang vẫn không trả số tiền trên cho bà Sang.

Nay bà Sang xin rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện ngày 14/3/2016 đối với yêu cầu anh Sang trả lại 14.000.000 đồng tiền hụi . Yêu cầu anh Trang hoàn trả lại vốn vay 162.000.000 đồng (Đã trừ 36.000.000 đồng tiền lãi anh Trang đã trả cho bà Sang vào vốn vay 198.000.000 đồng).

- Anh Nguyễn Thanh Sang đã dược tống đạt hợp lệ theo quy định, nhưng anh Sang không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy lời trình bày và yêu cầu trên của bà Sang là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào tờ hẹn trả ghi ngày 16/7/2007 là do anh Trang ký tên và ghi họ tên là có vay của bà Sang 198.000.000 đồng và hẹn đến tháng 10/2007 trả cho bà Sang, nhưng đến nay anh Trang không trả số tiền trên cho bà Sang. Do đó căn cứ vào tờ hẹn trả ngày 16/7/2007 của anh Trang, nghĩ nên buộc anh Trang hoàn trả lại cho bà Sang vốn vay là 162.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và đúng

*** Quan điểm thẩm phán:**

Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh Trang hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Sang vốn vay là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh Trang trả lại 14.000.000 đồng hụi. Do bà Nguyễn Thị Sang rút yêu cầu.

Người báo cáo

Lê Quan Nam